

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
MASAN MEATLIFE CORPORATION

Số/ No.: 2210/2026/MML-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2026
Hanoi, October 22, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC FINANCIAL STATEMENT INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Masan MEATLife thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 03 /năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

In accordance with the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, Masan MEATLife Corporation proceeds the public disclosure regarding the financial statements (FS) for Quarter 03 FY 2026 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE / MASAN MEATLIFE CORPORATION

Mã chứng khoán/*Stock code*: MML

Địa chỉ/*Address*: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam / *10th Floor, Central Plaza Building, 17 Le Duan, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Điện thoại liên hệ/*Tel*: 028 6256 3862 Fax: 028 3827 4115

Email: ngadtt@mml.masangroup.com

Website: www.masanmeatlife.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Disclosed information content*:

- BCTC quý 03/năm 2026/ *Financial Statements for Quarter 03/2026*:

☒ BCTC riêng/*Separate Financial Statements*

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ *Consolidated Financial Statements (Listed organization with subsidiaries)*

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *Combined Financial Statements (Listed organization with attached accounting units possessing independent accounting structure)*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Circumstances subject to explanation:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán)/ *The auditing firm expresses an unfulfilled opinion on any part of the Financial Statements (for reviewed/audited Financial Statements):*

☐ Có / Yes

☒ Không / No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation letter in case of checking 'Yes':

☐ Có / Yes

☐ Không / No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)/ *Net profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after audit, or shifts from loss to profit or vice versa (for audited Financial Statements FY2025):*

☐ Có / Yes

☒ Không / No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation letter in case of checking 'Yes':

☐ Có / Yes

☐ Không / No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *Net profit after tax in the business report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation letter in case of checking 'Yes':

☒ Có / Yes

☐ Không / No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *Net profit after tax in the reporting period is at a loss, shifting from profit in the same period of the previous year to loss in this period or vice versa:*

☐ Có / Yes

☒ Không / No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanation letter in case of checking 'Yes':

☐ Có / Yes

☐ Không / No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 22/10/2026 tại đường dẫn:
<https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/bao-cao-tai-chinh/?lang=vi>

This information was published on the Company's website on October 22, 2026 at the link:

<https://masanmeatlife.com.vn/category-shareholder/financial-reports/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 03/2026
- Văn bản giải trình

Attached documents:

- *Q3/2026 Financial Statements*
- *Explanation Letter*

**CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN
MEATLIFE**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE, L=TPHCM, UID=
MST:0311224517, E=TAMNT47@
VIETTEL.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.22 08:06:02+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền CBTT

Representative of organization

Person authorized to disclose information



ĐỖ THỊ THU NGÀ



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính quý riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2026

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 13 tháng 7 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Nguyễn Anh Thi

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Thi
Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 160)	100		210.921.715.933	424.191.490.271
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	6.300.436.531	55.611.010.032
Tiền	111		6.300.436.531	611.010.032
Các khoản tương đương tiền	112		-	55.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		94.372.870.051	213.779.608.904
Chứng khoán kinh doanh	121	10(a)	11.110.752.156	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	10(b)	83.262.117.895	213.779.608.904
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.889.683.915	153.932.255.286
Phải thu của khách hàng	131	7	103.569.095.798	142.534.397.237
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		496.074.355	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	8	16.029.199.748	25.156.985.954
Dự phòng phải thu khó đòi	136	9	(11.204.685.986)	(13.759.127.905)
Tài sản ngắn hạn khác	160		1.358.725.436	868.616.049
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		1.358.725.436	868.616.049
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260 + 270)	200		6.207.277.189.215	7.016.043.347.005
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.207.309.000	2.751.014.000
Phải thu dài hạn khác	215		3.207.309.000	2.751.014.000
Tài sản cố định	220		983.305.338	1.146.073.320
Tài sản cố định hữu hình	221		983.305.338	1.146.073.320
Nguyên giá	222		2.009.561.485	1.891.871.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.026.256.147)	(745.798.165)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
Đầu tư tài chính dài hạn	260		6.202.180.328.315	7.011.458.176.648
Đầu tư vào các công ty con	261	10(d)	5.229.774.300.000	5.229.828.300.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	10(e)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(d)	(1.331.307.095.706)	(1.017.024.025.456)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	10(c)	1.655.610.400.004	2.150.551.178.087
Tài sản dài hạn khác	270		906.246.562	688.083.037
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		906.246.562	688.083.037
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		6.418.198.905.148	7.440.234.837.276

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN**

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		505.338.300.899	2.132.622.773.421
Nợ ngắn hạn	310		504.114.883.149	2.130.906.072.671
Phải trả người bán	311	11	24.045.942.783	14.963.633.966
Người mua trả tiền trước	312		215.920.842	293.374.649
Phải trả cổ tức	313		700.205.100	700.205.100
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4.950.317.000	5.487.874.937
Chi phí phải trả	316	13	42.656.295.203	111.702.236.958
Phải trả ngắn hạn khác	320		1.546.202.221	2.540.559.072
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	321	14	430.000.000.000	1.995.218.187.989
Nợ dài hạn	330		1.223.417.750	1.716.700.750
Dự phòng phải trả dài hạn	343		1.223.417.750	1.716.700.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 411 + 412 + 420)	400	15	5.912.860.604.249	5.307.612.063.855
Vốn cổ phần	411	16	3.451.094.290.000	3.403.168.580.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		3.451.094.290.000	3.403.168.580.000
Thặng dư vốn	412		2.137.002.965.149	2.137.052.965.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	420		324.763.349.100	(232.609.481.294)
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối năm trước</i>	420a		(232.609.481.294)	(439.958.059.170)
- <i>Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước</i>	420b		557.372.830.394	207.348.577.876
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.418.198.905.148	7.440.234.837.276

Ngày **22** tháng 10 năm 2026
Nguyễn Mạnh Quang
Người lập
Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng
Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/7/2025 đến 30/9/2025 VND Phân loại lại	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND Phân loại lại
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	17	59.917.000.000	48.926.827.022	164.890.971.788	143.887.777.331
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		57.063.809.522	46.596.978.116	157.039.020.752	137.035.978.410
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		2.853.190.478	2.329.848.906	7.851.951.036	6.851.798.921
Doanh thu hoạt động tài chính	22	18	39.458.817.074	48.743.423.075	1.004.509.578.267	505.658.339.503
Chi phí tài chính	23	19	33.078.078.023	45.030.654.266	439.609.248.079	160.914.355.592
Trong đó: Chi phí đi vay	24		33.074.178.990	45.012.639.004	125.285.752.945	133.595.482.122
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.930.700.518	3.261.499.841	15.351.203.998	7.694.580.948
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - 26}	30		5.303.229.011	2.781.117.874	557.401.077.226	343.901.201.884
Chi phí khác	32		-	-	28.246.832	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = - 32)	40		-	-	(28.246.832)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.303.229.011	2.781.117.874	557.372.830.394	343.901.201.884
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.303.229.011	2.781.117.874	557.372.830.394	343.901.201.884

Ngày 22 tháng 10 năm 2026


Nguyễn Mạnh Quang
Người lập


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng




Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN**

	Mã số	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	557.372.830.394	343.901.201.884
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	280.457.982	254.816.593
Các khoản dự phòng	03	314.172.649.750	27.500.508.607
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(1.004.507.491.051)	(505.656.388.008)
Chi phí đi vay	06	125.285.752.945	133.595.482.122
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(7.395.799.980)	(404.378.802)
(Tăng), giảm các khoản phải thu và tài sản khác	09	47.357.511.996	64.944.987.540
Tăng, (giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(5.774.712.034)	(10.544.706.377)
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12	(708.272.912)	240.454.523
(Tăng), giảm chứng khoán kinh doanh	13	(11.110.752.156)	-
		22.367.974.914	54.236.356.884
Chi phí đi vay đã trả	14	(176.705.092.933)	(171.498.285.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(154.337.118.019)	(117.261.928.117)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(144.646.440)	(53.710.000)
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(121.925.710.000)	(394.642.650.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	795.642.650.000	401.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn	25	-	(380.000.000.000)
Tiền thu từ hoàn trả vốn góp từ một công ty con	26	54.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận được chia	27	953.504.540.958	430.748.272.592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.627.130.834.518	57.551.912.592

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền nhận được liên quan đến việc phát hành cổ phần	31	47.875.710.000	111.782.660.000
Tiền thu từ đi vay	33	430.000.000.000	-
Tiền trả nợ trái phiếu phát hành	34	(1.999.980.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.522.104.290.000)	111.782.660.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(49.310.573.501)	52.072.644.475
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	55.611.010.032	11.908.040.032
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6.300.436.531	63.980.684.507

Ngày 22 tháng 10 năm 2026


 Nguyễn Mạnh Quang
 Người lập


 Mã Hồng Kim
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Anh Thi
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 4 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2026: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 10.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 199 nhân viên (1/1/2026: 202 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, bao gồm phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(ii));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(h));

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua. Các chi phí giao dịch nếu có được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản chiết khấu hoặc phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(iii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị. Dự phòng tổn thất đầu tư không được lập khi Công ty đánh giá rằng không có khả năng mất vốn. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(e) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(h) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(j) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia từ các công ty con, thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, từ chứng khoán kinh doanh và từ các khoản phải thu về cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”), dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(r) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (“ESOP”) được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở thực hiện các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng cùng kỳ của năm trước.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng (*)	6.300.436.531	611.010.032
Các khoản tương đương tiền (**)	-	55.000.000.000
	6.300.436.531	55.611.010.032

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng theo ngân hàng có số dư lớn như sau:

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng 1	4.739.276.239	162.782.973
Ngân hàng 2	1.377.063.171	222.854.080

(**) Chi tiết các khoản tương đương tiền theo các hợp đồng tiền gửi lớn như sau:

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Hợp đồng 1	-	10.000.000.000
Hợp đồng 2	-	9.000.000.000
Hợp đồng 3	-	9.000.000.000
Hợp đồng 4	-	8.000.000.000
Hợp đồng 5	-	7.500.000.000
Hợp đồng 6	-	7.500.000.000

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****7. Phải thu của khách hàng***Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	24.482.520.000	34.471.814.100
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	11.092.680.000	4.308.435.589
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	7.103.160.000	15.275.826.703
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	11.684.520.000	16.500.149.441
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	11.365.127.251	16.138.995.991
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	4.779.000.000	8.952.468.534
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	13.314.240.000	17.527.456.896
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	8.542.800.000	15.522.305.710

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết	4.036.005.200	-
Phải thu khác từ các công ty con	11.845.138.465	23.751.799.679
Phải thu khác	148.056.083	1.405.186.275
	16.029.199.748	25.156.985.954

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	1.173.206.844	698.810.216
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	2.281.462.907	4.722.407.034
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	1.585.585.493	3.829.382.562
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	2.022.821.736	3.683.121.195
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	1.932.879.655	4.781.401.418
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	2.072.760.748	3.002.847.188
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	483.326.906	1.905.463.703
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	293.094.176	1.128.366.363

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Số dư đầu kỳ	13.759.127.905	14.402.070.781
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(2.554.441.919)	(473.942.876)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(169.000.000)
Số dư cuối kỳ	11.204.685.986	13.759.127.905

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/9/2026				1/1/2026	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND
Chứng chỉ tiền gửi (**)	110.000	11.110.752.156	(*)	-	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý bằng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Công ty đã mua các chứng chỉ tiền gửi này với mục đích kinh doanh trong thời gian ngắn (dưới 12 tháng).



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	Giá gốc/Giá trị có thể thu hồi 30/9/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.066.939.813	72.642.650.000
Các khoản phải thu về cho vay (**)		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT – công ty con sở hữu trực tiếp	71.195.178.082	71.233.534.247
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn – công ty con sở hữu gián tiếp	-	69.903.424.657
	83.262.117.895	213.779.608.904

- (*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi tiết tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn theo các hợp đồng tiền gửi lớn như sau:

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Hợp đồng 1	11.925.710.000	-
Hợp đồng 2	-	32.642.650.000
Hợp đồng 3	-	10.000.000.000
Hợp đồng 4	-	10.000.000.000
Hợp đồng 5	-	10.000.000.000
Hợp đồng 6	-	10.000.000.000

- (**) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan. Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	Năm đáo hạn	Giá gốc/Giá trị có thể thu hồi 30/9/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Các khoản phải thu về cho vay			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn – công ty con sở hữu gián tiếp	2027	-	181.229.178.083
▪ Công ty TNHH Zenith Investment – bên liên quan khác	2027	1.655.610.400.004	1.969.322.000.004
		1.655.610.400.004	2.150.551.178.087

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan. Lãi cho vay phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của hợp đồng cho vay liên quan.

(d) Đầu tư vào các công ty con

	30/9/2026		1/1/2026	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MEATDeli HN (“MHN”) (*)	100,00%	2.766.000.000.000	100,00%	2.766.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”)	74,99%	985.000.000.000	74,99%	985.000.000.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“FNA”)	100,00%	864.000.000.000	100,00%	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3FV”) (*)	51,00%	614.774.300.000	51,00%	614.774.300.000
Công ty TNHH MNS Meat (“MNM”) (**)	-	-	99,99%	54.000.000
		5.229.774.300.000		5.229.828.300.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

- (*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, các khoản đầu tư này được xác định là có sự suy giảm giá trị, do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này với số tiền là 1.331.307 triệu VND (1/1/2026: 1.017.024 triệu VND). Dự phòng cho các khoản đầu tư này được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(c).
- (**) Tại ngày 13 tháng 1 năm 2026, MNM đã hoàn thành thủ tục giải thể.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.017.024.025.456	856.973.638.307
Dự phòng trích lập trong kỳ	314.283.070.250	27.264.332.357
Số dư cuối kỳ	1.331.307.095.706	884.237.970.664

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MHN VND	MSJ VND	FNA VND	3FV VND	MNM VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	5.229.828.300.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.766.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	-	5.229.774.300.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(e) Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/9/2026 và 1/1/2026		
	Số	% lợi ích	
	cổ phiếu	kinh tế/quyền	Giá gốc
		biểu quyết	VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Vissan được thành lập tại Việt Nam và hoạt động chính của Vissan là sản xuất, bán buôn và bán lẻ thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Không có biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/9/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	18.932.805.317	3.493.949.149
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	3.434.969.767	-
Công ty Cổ phần The CrownX	-	4.622.272.666
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	3.179.902.209
Các nhà cung cấp khác	1.678.167.699	3.667.509.942
	24.045.942.783	14.963.633.966

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	3.179.902.209
<i>Các bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	18.932.805.317	3.493.949.149
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	3.434.969.767	-
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	19.748.019	18.817.805
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	-	10.907.330
▪ Công ty Cổ phần The CrownX	-	4.622.272.666
▪ Công ty TNHH The Sherpa	-	384.045.107

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ/ Hoàn lại VND	30/9/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.226.948.700	13.834.134.153	(11.738.320.718)	(4.623.766.365)	1.698.995.770
Thuế thu nhập cá nhân	1.260.926.237	15.535.905.227	(12.489.648.447)	(1.055.861.787)	3.251.321.230
Thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	1.020.468	(1.020.468)	-	-
	5.487.874.937	29.371.059.848	(24.228.989.633)	(5.679.628.152)	4.950.317.000

13. Chi phí phải trả

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí lãi vay	3.960.712.329	60.141.864.328
Thưởng thành tích và lương tháng 13	18.181.792.443	22.277.962.475
Chi phí phải trả khác	20.513.790.431	29.282.410.155
	42.656.295.203	111.702.236.958

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/9/2026 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (i)	-	430.000.000.000		- 430.000.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng (ii)	1.995.218.187.989	4.761.812.011	(1.999.980.000.000)	-
	1.995.218.187.989	434.761.812.011	(1.999.980.000.000)	430.000.000.000

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/09/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty con				
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	VND	8,2%	430.000.000.000	-

(ii) Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Trái phiếu thường phát hành	-	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	-	(4.761.812.011)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	1.995.218.187.989

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/9/2026 VND	1/1/2026 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	8,575% - 9,1%	2026	-	1.999.980.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Số dư đầu kỳ	4.761.812.011	11.904.529.999
Phân bổ trong kỳ	(4.761.812.011)	(5.357.038.491)
Số dư cuối kỳ	-	6.547.491.508

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(439.958.059.170)	4.987.670.835.979
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	112.642.650.000	(50.000.000)	-	112.592.650.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	207.348.577.876	207.348.577.876
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	3.403.168.580.000	2.137.052.965.149	(232.609.481.294)	5.307.612.063.855
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	47.925.710.000	(50.000.000)	-	47.875.710.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	557.372.830.394	557.372.830.394
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	3.451.094.290.000	2.137.002.965.149	324.763.349.100	5.912.860.604.249

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****16. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	345.109.429	3.451.094.290.000	340.316.858	3.403.168.580.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	345.109.429	3.451.094.290.000	340.316.858	3.403.168.580.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	345.109.429	3.451.094.290.000	340.316.858	3.403.168.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong kỳ của vốn cổ phần như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026		Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	340.316.858	3.403.168.580.000	329.052.593	3.290.525.930.000
Phát hành cổ phiếu	4.792.571	47.925.710.000	11.264.265	112.642.650.000
Số dư cuối kỳ	345.109.429	3.451.094.290.000	340.316.858	3.403.168.580.000

17. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Thu nhập lợi nhuận được chia từ một công ty con	890.000.000.000	380.000.000.000
Thu nhập cổ tức từ một công ty liên kết	4.036.005.200	10.090.013.000
Thu nhập lãi	110.471.485.851	115.566.375.008
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.087.216	1.951.495
	1.004.509.578.267	505.658.339.503

19. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu	120.523.940.934	128.238.443.631
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	314.283.070.250	27.264.332.357
Chi phí phát hành trái phiếu	4.761.812.011	5.357.038.491
Chi phí tài chính khác	40.424.884	54.541.113
	439.609.248.079	160.914.355.592

20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cung cấp dịch vụ	37.740.172.852	41.186.090.464
Góp vốn	-	380.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Cung cấp dịch vụ	17.299.016.859	18.722.899.366

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Cung cấp dịch vụ	15.635.799.557	12.323.308.764
Lợi nhuận được chia	890.000.000.000	380.000.000.000
Lợi nhuận được chia nhận được	890.000.000.000	380.000.000.000
Đi vay	430.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	3.960.712.329	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	12.534.513.239	8.449.276.856
Cho vay	70.000.000.000	70.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	70.000.000.000	70.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	3.008.657.534	3.930.739.725
Lãi cho vay nhận được	3.047.013.699	11.506.849.313
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	40.000.000.000	252.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	286.000.000.000	245.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	7.825.990.408	8.123.367.127
Lãi cho vay nhận được	12.958.593.148	35.745.767.685
Cung cấp dịch vụ	18.081.524.366	21.966.643.760
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT		
Cung cấp dịch vụ	8.914.755.404	7.339.474.592
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01		
Cung cấp dịch vụ	15.107.031.938	17.283.363.766
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Cung cấp dịch vụ	17.891.919.573	16.616.719.763
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản		
Thu nhập cổ tức	4.036.005.200	10.090.013.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí quản lý và công nghệ thông tin	19.607.541.579	17.366.905.392
Mua hàng hóa	21.107.408	16.219.441
Lãi trái phiếu đã trả	18.050.412.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan		
Chia sẻ chi phí	4.758.960.281	2.812.261.867
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	162.835.559	161.309.712

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2026 đến 30/9/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	122.864.850	106.582.138
Công ty TNHH Vonfram Masan		
Lãi trái phiếu đã trả	4.512.603.000	-
Công ty TNHH Zenith Investment		
Thu hồi khoản cho vay	367.000.000.000	86.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	97.108.200.000	101.051.000.000
Lãi cho vay nhận được	43.819.800.000	877.200.000
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage		
Mua hàng hóa	10.422.499	18.991.852
Thành viên quản lý chủ chốt (*)		
Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	8.301.578.151	4.837.828.000

Tại ngày và cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026**
(tiếp theo)**Mẫu B 09a – DN****21. Thông tin so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99. Một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

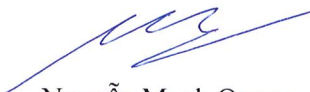
(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	213.779.608.904	72.642.650.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	139.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	25.156.985.954	27.293.944.858
Phải thu về cho vay dài hạn		-	2.012.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	215	2.751.014.000	141.302.192.087
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	2.150.551.178.087	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	700.205.100	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	2.540.559.072	3.240.764.172

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Mã số	Từ 1/7/2025 đến 30/9/2025 (phân loại lại) VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 (phân loại lại) VND	Từ 1/7/2025 đến 30/9/2025 (theo báo cáo trước đây) VND	Từ 1/1/2025 đến 30/9/2025 (theo báo cáo trước đây) VND
Chi phí tài chính					
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	-	43.226.959.507	128.238.443.631
Trong đó: chi phí đi vay	24	45.012.639.004	133.595.482.122	-	-

Ngày 22 tháng 10 năm 2026


Nguyễn Mạnh Quang
Người lập
Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng
Nguyễn Anh Thi
Tổng Giám đốc